

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chuẩn

Ông Phạm Tiết Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn Hải V, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Thúy Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Japan (Nhật Bản).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn anh Đỗ Văn Hải V trình bày: Anh và chị Đinh Thị Thúy Q tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2010, đến ngày 15/5/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không còn hợp nhau và không còn liên lạc với nhau. Cho nên, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Có 03 người gồm Đỗ Thị Bảo H, sinh ngày 24/6/2012; Đỗ Hải Đ, sinh ngày 27/02/2014; Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/6/2015. Anh đồng ý giao con chung cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn chị Đinh Thị Thúy Q trình bày: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V; về con chung có 03 người như anh V trình bày là đúng, nhưng chị không tranh chấp về nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Đỗ Văn Hải V và chị Đinh Thị Thúy Q kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Nay, anh V và chị Q đều đồng ý ly hôn với nhau và không có tranh chấp về nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V, cho anh V ly hôn với chị Q; không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đỗ Văn Hải V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 19). Bị đơn chị Đinh Thị Thúy Q có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đồng ý cho Tòa án xét xử vắng mặt (25, 26). Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị Q.

[2] Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn Hải V và chị Đinh Thị Thúy Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 15/5/2019 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Nay, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Q, chị Q cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V, cho anh V ly hôn với chị Q.

[3] Về con chung: Anh V và chị Q đều khai thống nhất với nhau có 03 người con gồm Đỗ Thị Bảo H, sinh ngày 24/6/2012; Đỗ Hải Đ, sinh ngày 27/02/2014; Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/6/2015. Nhưng anh V và chị Q không có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V, cho anh V ly hôn với chị Q; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc anh Đỗ Văn Hải V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đỗ Văn Hải V đã nộp bằng 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007291, ngày 22/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Đỗ Văn Hải V.

1. Về hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn Hải V ly hôn với chị Đinh Thị Thúy Q.

2. Về con chung: Các đương sự không có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Đỗ Văn Hải V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đỗ Văn Hải V đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007291, ngày 22/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê